

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh
thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023, số 22/2025/NĐ-CP ngày 11/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019;

Căn cứ Nghị quyết 03/2025/NQ-CP ngày 14/8/2025 của Chính phủ về cơ chế, chính sách đặc thù đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình;

Căn cứ Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông báo số 119-TB/VPTW ngày 20/01/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm trong chuyến về thăm và làm việc tại tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Thông báo số 68/TB-VPCP ngày 27/02/2025 của Văn phòng Chính phủ Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại cuộc họp về việc đầu tư xây dựng đường kết nối Cảng hàng không quốc tế Gia Bình tỉnh Bắc Ninh với Thủ đô Hà Nội và xây dựng trung tâm logistics tại khu vực Cảng hàng không quốc tế Gia Bình;

Căn cứ Văn bản số 230/TTg-QHĐP ngày 28/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh theo trình tự, thủ tục rút gọn;

Căn cứ các Tờ trình số: 94/TTr-STC ngày 25/6/2025, 95/TTr-STC ngày 25/6/2025 của Sở Tài chính về việc xin ý kiến hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (viết tắt là Quy hoạch tỉnh) (trước khi sáp nhập);

Căn cứ Kết luận của Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh Bắc Ninh về các nội dung họp ngày 24/6/2025 tại Thông báo số 28-TB/ĐUUB ngày 24/6/2025 (trước khi sáp nhập);

Căn cứ ý kiến Kết luận số 1594-TB/TU ngày 26/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh (trước khi sáp nhập);

Căn cứ Văn bản số 15932-CV/VPTW ngày 08/7/2025 của Văn phòng Ban chấp hành trung ương về ý kiến Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư Cảng hàng không quốc tế Gia Bình;

Căn cứ Kết luận của Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh tại Hội nghị Lần thứ 01 theo Thông báo số 01-TB/ĐU ngày 08/7/2025;

Căn cứ ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh uỷ tại phiên giao ban ngày 11/7/2025 theo Thông báo số 06-TB/TU ngày 11/7/2025;

Căn cứ ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tại phiên họp ngày 11/7/2025 theo Thông báo số 10-TB/TU ngày 12/7/2025;

Căn cứ ý kiến của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (viết tắt là Quy hoạch tỉnh) theo Thông báo số 18-TB/TU ngày 18/7/2025;

Căn cứ Quyết định số 1102/QĐ-BXD ngày 20/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1204/QĐ-BXD ngày 01/8/2025 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Gia Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ ý kiến tham gia của các Bộ, ngành Trung ương và UBND các tỉnh, thành phố lân cận; ý kiến của các Sở, ngành địa phương về hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh;

Xét: Tờ trình số 04/TTr-SXD ngày 08/7/2025 của Sở Xây dựng về việc xin ý kiến hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; Văn bản số 946/SXD-QHKT ngày 14/8/2025 của Sở Xây dựng về việc báo cáo việc tiếp thu, giải trình và hoàn thiện Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh (trước sáp nhập) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên, phạm vi điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

1.1. Tên quy hoạch: Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh (trước sáp nhập) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1.2. Phạm vi điều chỉnh quy hoạch tỉnh:

- Phạm vi ranh giới lập quy hoạch: Toàn bộ phạm vi địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh (trước sáp nhập) với tổng diện tích tự nhiên 822,7km², với 41/41 đơn vị hành chính cấp xã. Ranh giới tọa độ địa lý từ 20°58' đến 21°16' vĩ độ Bắc, từ 105°54' đến 106°19' kinh độ Đông: Phía bắc tiếp giáp với tỉnh Bắc Giang (trước sáp nhập); Phía nam tiếp giáp với tỉnh Hưng Yên và Thủ đô Hà Nội; Phía tây tiếp giáp với Thủ đô Hà Nội; Phía đông tiếp giáp với thành phố Hải Phòng.

- Thực hiện Thông báo số 68/TB-VPCP ngày 27/02/2025 của Văn phòng Chính phủ Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại cuộc họp về việc đầu tư xây dựng đường kết nối Cảng hàng không quốc tế Gia Bình tỉnh Bắc Ninh với Thủ đô Hà Nội và xây dựng trung tâm logistics tại khu vực Cảng hàng không quốc tế Gia Bình (*Mở rộng sân bay và bổ sung tuyến đường bộ, đường sắt đô thị và đường sắt cao tốc kết nối Cảng hàng không quốc tế Gia Bình với trung tâm thành phố Hà Nội và kết nối tỉnh Hải Dương với tiêu chí ngắn nhất, hiện đại nhất và đẹp nhất, gắn với hệ thống đường sắt kết nối cảng hàng không với tuyến đường sắt liên vận quốc tế Hà Nội - Lim - Phả Lại - Móng Cái và tuyến đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn*).

- Thực hiện điều chỉnh nội dung Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh (trước sáp nhập) có mâu thuẫn với các quy hoạch cấp cao hơn theo Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030.

- Bổ sung phương án sắp xếp các đơn vị hành chính theo quy định về chính quyền địa phương hai cấp.

- Hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu quy hoạch theo quy định tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

2. Các nội dung chính điều chỉnh quy hoạch

Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Gia Bình được phê duyệt cấp sân bay 4E, công suất quy hoạch điều chỉnh: Thời kỳ 2021-2030 khoảng 30,0 triệu hành khách/năm và 1,6 triệu tấn hàng hóa/năm; tầm nhìn đến năm 2050, khoảng 50,0 triệu hành khách/năm và 2,5 triệu tấn hàng hóa/năm, diện tích khoảng 1960ha (*Quyết định số 1204/QĐ-BXD ngày 01/8/2025 của Bộ Xây dựng*) cùng với việc hình thành tuyến giao thông kết nối Cảng hàng không Gia Bình với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận, làm thay đổi Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh (trước sáp nhập) được Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt tại Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023, do đó cần phải điều chỉnh cho phù hợp. Nội dung điều chỉnh như sau:

2.1. Điều chỉnh định hướng phát triển hạ tầng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình:

Quy mô diện tích đã phê duyệt theo quy hoạch tỉnh là 245ha;

Quy mô diện tích sau khi mở rộng khoảng 1.960ha.

(Chi tiết tại phụ lục **VIIIa** kèm theo)

2.2. Điều chỉnh phương án phát triển mạng lưới giao thông:

- Bổ sung tuyến đường bộ gắn với đường sắt đô thị và đường sắt cao tốc kết nối sân bay Gia Bình tỉnh Bắc Ninh (Cảng hàng không quốc tế Gia Bình) với Thủ đô Hà Nội và thành phố Hải Phòng, với tiêu chí ngắn nhất, hiện đại nhất và đẹp nhất. Quy mô mặt cắt 120m. Tổng chiều dài địa phận tỉnh Bắc Ninh khoảng 30,3km (trong đó: Từ sân bay Gia Bình đi Thủ đô Hà Nội khoảng 27,7km, từ sân bay Gia Bình đi thành phố Hải Phòng khoảng 2,6km);

- Bổ sung tuyến đường kết nối Cảng hàng không quốc tế Gia Bình (tại nút giao ĐT.285B) về phía bắc sông Cầu (tỉnh Bắc Giang trước sáp nhập), quy mô mặt cắt 100-120m.

- Bổ sung tuyến đường ĐT.285C kết nối đường ĐT.285B qua khu vực Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, quy mô mặt cắt 60-70m.

- Bổ sung, mở rộng tuyến đường ĐT.285 từ Cảng hàng không quốc tế Gia Bình về phía bắc sông Cầu (tỉnh Bắc Giang trước sáp nhập), quy mô mặt cắt 60-80m.

- Điều chỉnh các tuyến đường tỉnh qua khu vực Cảng hàng không quốc tế Gia Bình (ĐT.285; ĐT.280; ĐT.281; ĐT.284 và ĐT.279).

- Điều chỉnh, mở rộng tuyến đường QL.17 đoạn từ cầu Bình Than đi cầu Kênh Vàng, quy mô mặt cắt 100-120m.

- Điều chỉnh mở rộng ĐT.285B, ĐT.282B lộ giới từ 56,5m lên 80,0m tạo thành đường vành đai khép kín khu phía nam sông Đuống.

- Điều chỉnh mạng lưới đường đô thị, kết cấu hạ tầng giao thông phù hợp với định hướng không gian toàn đô thị.

(Chi tiết tại phụ lục **Va** kèm theo)

2.3. Bổ sung các chức năng đô thị, công nghiệp, dịch vụ, sân golf, cảng cạn, cảng thủy nội địa (chi tiết tại phụ lục **VIa** kèm theo), logistics, khu phi thuế quan, cơ sở giáo dục đào tạo,... xung quanh khu vực Cảng hàng không và dọc tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình tỉnh Bắc Ninh với Thủ đô Hà Nội và kết nối với thành phố Hải Phòng, đảm bảo nhu cầu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

2.3.1. Bổ sung các khu đô thị mới phục vụ Cảng hàng không quốc tế Gia Bình:

- Hình thành khu vực phát triển đô thị phía Nam sông Đuống, với trọng tâm dọc 2 bên trục đường kết nối Cảng hàng không quốc tế Gia Bình với Thủ đô Hà Nội; điều chỉnh quy mô dân số dự kiến cho các khu đô thị mới phía Nam sông Đuống phục vụ Cảng hàng không quốc tế Gia Bình tương ứng quy mô diện tích phát triển đô thị tăng thêm khoảng 10.000ha.

- Quy hoạch định hướng phát triển không gian các đô thị dọc tuyến đường kết nối Hà Nội – Cảng hàng không quốc tế Gia Bình – Hải Phòng, đường 285B, 282B, đường kết nối với trung tâm hành chính tỉnh Bắc Giang (trước sáp nhập)... theo mô hình TOD.

2.3.2. Điều chỉnh phương án phát triển hệ thống các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Điều chỉnh phương án phát triển hệ thống các khu công nghiệp, cụm công nghiệp do ảnh hưởng của việc mở rộng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình với quy mô tăng lên khoảng 1.960ha và hình thành tuyến đường kết nối Cảng hàng không quốc tế Gia Bình với Thủ đô Hà Nội và kết nối với thành phố Hải Phòng, làm thay đổi kết cấu hạ tầng và các chức năng của khu vực vùng phía nam sông Đuống (*Chi tiết tại phụ lục IIa, IIIa kèm theo*).

2.3.3. Điều chỉnh phương án phát triển các khu tổ hợp sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa thể thao và sân golf.

- Phát triển các chuỗi các công trình dịch vụ - hỗn hợp dọc theo tuyến đường kết nối Cảng hàng không quốc tế Gia Bình với Thủ đô Hà Nội và kết nối thành phố Hải Phòng để tạo điểm nhấn về không gian đô thị.

- Phát triển các khu phức hợp gồm các chức năng: Dịch vụ Cảng hàng không quốc tế; thương mại tự do - phi thuế quan; khu logistics đa phương thức; cảng cạn; khu công nghiệp công nghệ cao; khu nghiên cứu phát triển (R&D); điều chỉnh diện tích Khu công nghệ thông tin tập trung - Khu công nghiệp công nghệ số (*Chi tiết tại phụ lục XIa kèm theo*); trung tâm hội nghị, triển lãm; dịch vụ văn phòng, khách sạn,...

- Bổ sung các khu dịch vụ; tổ hợp du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng; văn hóa thể thao và sân golf... (*Chi tiết tại phụ lục IVa kèm theo*).

2.3.4. Điều chỉnh phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước

a) Điều chỉnh quy hoạch thủy lợi:

Điều chỉnh hướng tuyến sông Móng, sông Khoai, sông Thứa phù hợp với không gian sau khi điều chỉnh Cảng hàng không Quốc tế Gia Bình.

(*Phương án điều chỉnh được thể hiện trong bản vẽ sơ đồ phương án phát triển hệ thống cấp nước sạch, thoát nước mưa, thủy lợi*)

b) Điều chỉnh quy hoạch cấp nước:

Điều chỉnh nâng công suất, bổ sung hướng tuyến cấp nước trên địa bàn; Tổng công suất sau điều chỉnh tăng khoảng 95.000m³/ngày đêm (*Chi tiết tại phụ lục XIIa, kèm theo*).

2.3.5. Điều chỉnh phương án phát triển mạng lưới cấp điện

Cập nhật, điều chỉnh, bổ sung hệ thống trạm và mạng lưới truyền tải điện theo định hướng của Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, đáp ứng nhu cầu phụ tải tiêu thụ khi hình thành Cảng hàng không quốc tế Gia Bình và các chức năng phục vụ Cảng hàng không (*Chi tiết tại phụ lục Xa kèm theo*).

2.3.6. Điều chỉnh phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

a) Điều chỉnh khu xử lý chất thải:

Điều chỉnh chức năng cơ sở xử lý chất thải rắn phía Bắc (xã Phù Lãng, tỉnh Bắc Ninh) phục vụ xử lý, tái chế chất thải công nghiệp, y tế, sinh hoạt (*Chi tiết tại phụ lục XIIIa kèm theo*).

b) Điều chỉnh các khu nghĩa trang:

- Đưa ra khỏi quy hoạch các nghĩa trang tập trung tại khu vực thị xã Thuận Thành, các huyện Gia Bình, Lương Tài (trước sáp nhập) để đưa về các cụm xã, phường mới theo quy hoạch riêng.

- Đề xuất cho ra khỏi quy hoạch đối với đài hỏa táng Thuận Thành (tại phường Trại Lộ, thị xã Thuận Thành trước sáp nhập).

- Mở rộng các nghĩa trang hiện trạng theo mô hình công viên nghĩa trang tại các xã Đại Lai, Lương Tài, Trung Chính (*Chi tiết tại phụ lục XIVa kèm theo*).

2.3.7. Điều chỉnh phương án phát triển kết cấu hạ tầng giáo dục – đào tạo

- Điều chỉnh phương án phát triển kết cấu hạ tầng giáo dục – đào tạo do ảnh hưởng của việc mở rộng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình và hình thành các chức năng phục vụ Cảng hàng không.

- Bổ sung mới khu đô thị giáo dục - đào tạo tại xã Đại Lai, Đông Cứu.

(*Chi tiết tại phụ lục XVIIa kèm theo*)

2.3.8. Điều chỉnh các công trình an sinh xã hội, tôn giáo

Hoàn trả, đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình an sinh xã hội do ảnh hưởng của việc thu hồi đất để xây dựng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình và các chức năng phục vụ Cảng hàng không, đáp ứng đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

2.3.9. Điều chỉnh, bổ sung các công trình an ninh, quốc phòng

- Điều chỉnh phương án quy hoạch đất an ninh quốc phòng trong ranh giới Cảng hàng không quốc tế Gia Bình theo quy hoạch được duyệt.

- Bổ sung đất an ninh tại xã Tam Đa, quy mô khoảng 37ha.

- Bổ sung quỹ đất để xây dựng công trình quốc phòng tại khu vực Cảng hàng không quốc tế Gia Bình với quy mô khoảng 30ha.

2.4. Định hướng phát triển đô thị:

Điều chỉnh, bổ sung theo các tiêu chí của đô thị loại I để nâng cấp các xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (trước sáp nhập) trở thành phường.

2.5. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.6. Các nội dung khác liên quan:

Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đã được UBND tỉnh gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố liên quan và các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tại văn bản số 2777/UBND-XDCB ngày 20/6/2025 và văn bản số 394/UBND-XDCB ngày 20/6/2025. Các Bộ, ngành, địa phương lân cận đã tham gia ý kiến gồm: (1) Bộ Quốc phòng (2) Cục An ninh Kinh tế - Bộ Công an; (3) Bộ Tài chính; (4) Bộ Xây dựng; (5) Bộ Nông nghiệp và Môi trường; (6) Bộ Khoa học và Công nghệ; (7) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (8) Bộ Công Thương; (9) Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang (cũ); (10) UBND thành phố Hà Nội; (11) UBND tỉnh Quảng Ninh (Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh, Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh); (12) Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh; (13) Sở Công Thương tỉnh Bắc Ninh; (14) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; (15) Công ty Điện lực Bắc Ninh;

Văn bản của các sở, ngành địa phương giải trình ý kiến tham gia của các Bộ, ngành Trung ương về hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh, gồm: (1) Sở Công Thương; (2) Sở Khoa học và Công nghệ; (3) Sở Nông nghiệp và Môi trường; (4) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; (5) Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh.

Ý kiến của Bộ Công an tại văn bản số 3298/BCA-H02 ngày 24/7/2025 về việc thu hồi đất để thực hiện nhiệm vụ an ninh tại xã Tam Đa, tỉnh Bắc Ninh.

Văn bản số 236/VQH-QH ngày 04/8/2025 của Viện Quy hoạch-Kiến trúc Bắc Ninh về việc báo cáo tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được phê duyệt tại Quyết định này là một phần không thể tách rời nội dung Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023; là cơ sở, căn cứ để lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; triển khai các thủ tục đầu tư dự án có liên quan trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Việc triển khai các quy hoạch tiếp theo, các công trình, dự án đầu tư xây dựng phải đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chuyên ngành có liên quan, đồng thời cần đánh giá đầy đủ, toàn diện tác động của Cảng hàng không quốc tế Gia Bình đối với việc hình thành các chức năng xung quanh Cảng hàng không quốc tế Gia Bình trước khi triển khai thực hiện.

2. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, UBND các phường, xã và các cơ quan, đơn vị liên quan

a) Sở Tài chính:

Tổ chức công bố, công khai nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch; lưu trữ Hồ sơ Quy hoạch tỉnh kèm theo Quyết định phê duyệt sau khi được bàn giao.

b) Sở Xây dựng:

- Hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đảm bảo thống nhất với nội dung của Quyết định này; bàn giao, lưu trữ Hồ sơ Quy hoạch tỉnh kèm theo Quyết định phê duyệt.

- Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành (nếu có) đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

c) UBND các phường, xã và các cơ quan đơn vị liên quan tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

d) Các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, UBND các phường, xã và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm thường xuyên rà soát Quy hoạch tỉnh trong quá trình thực hiện để kịp thời đề xuất điều chỉnh cho phù hợp.

e) Các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp thực hiện Quy hoạch tỉnh được phê duyệt điều chỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành; Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các phường, xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà (b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các phường, xã;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, KTTH, THĐT, KTN; TTTT tỉnh (đăng tải);
- + Lưu: VT, XD _{Hai}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Thịnh

PHỤ LỤC IIa**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH BẮC NINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 19/8/2025
của UBND tỉnh Bắc Ninh)*

TT	Tên khu công nghiệp	Theo Quyết định phê duyệt số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023		Điều chỉnh quy hoạch		Ghi chú
		Địa điểm dự kiến	Diện tích phê duyệt (ha)	Địa điểm	Diện tích điều chỉnh (ha)	
B	Các khu công nghiệp có tiềm năng, dự kiến thành lập mới trong trường hợp được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp					
1	Khu công nghiệp Lương Tài 1	Huyện Lương Tài	Khoảng 245	Xã Trung Kênh, xã Nhân Thắng	Khoảng 250	Điều chỉnh diện tích
2	Khu công nghiệp Lương Tài 2	Huyện Lương Tài	Khoảng 495	Phường Trạm Lộ, phường Ninh Xá, xã Gia Bình, xã Lâm Thao	Khoảng 860-950ha	Điều chỉnh vị trí, quy mô, chức năng sang công nghiệp - dịch vụ - logistics, thương mại tự do – phi thuế quan,...
3	Khu công nghiệp Thuận Thành III – Phân khu B	Thị xã Thuận Thành	Khoảng 300,04	Phường Thuận Thành, phường Trí Quả	Khoảng 329	Điều chỉnh ranh giới, quy mô
4	Khu công nghiệp Lương tài 3			Xã Trung Chính, xã Trung Kênh	Khoảng 510	Bổ sung mới
5	Khu công nghiệp Gia Bình III			Xã Cao Đức, xã Nhân Thắng, xã Trung Kênh	Khoảng 280	Bổ sung mới

TT	Tên khu công nghiệp	Theo Quyết định phê duyệt số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023		Điều chỉnh quy hoạch		Ghi chú
		Địa điểm dự kiến	Diện tích phê duyệt (ha)	Địa điểm	Diện tích điều chỉnh (ha)	
6	Khu công nghiệp công nghệ cao Đào Viên			Phường Đào Viên	Khoảng 105	Bổ sung mới
7	Mở rộng Khu công nghiệp Gia Bình II			xã Nhân Thắng	Khoảng 38	Bổ sung mới
8	Khu công nghiệp - Đô thị và Dịch vụ Lương Tài	Huyện Lương Tài	Khoảng 665			Hủy bỏ, chuyển chức năng phát triển đô thị, dịch vụ

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô diện tích và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn, lập dự án đầu tư và được cấp có thẩm quyền quyết định, bảo đảm đúng chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ.

- Các khu công nghiệp tiềm năng có nhu cầu đầu tư sớm hơn để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thì cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Các nội dung khác giữ nguyên theo Phụ lục số II kèm theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

PHỤ LỤC IIIa**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP
TỈNH BẮC NINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 19/8/2025
của UBND tỉnh Bắc Ninh)*

TT	Tên cụm công nghiệp	Theo Quyết định phê duyệt số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023		Điều chỉnh quy hoạch		Ghi chú
		Địa điểm dự kiến	Diện tích phê duyệt (ha)	Địa điểm	Diện tích (ha)	
I	Các cụm công nghiệp đang triển khai thực hiện thủ tục đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật					
1	Cụm công nghiệp làng nghề Quảng Bó	Xã Quảng Bó, huyện Lương Tài	30	Xã Lâm Thao	Khoảng 10	Giữ theo hiện trạng không mở rộng
2	Cụm công nghiệp Lâm Bình	Xã Lâm Thao, xã Bình Định, huyện Lương Tài	75	Xã Lâm Thao	Khoảng 70	Điều chỉnh giảm quy mô diện tích
3	Cụm công nghiệp làng nghề Xuân Lai	Xã Xuân Lai, huyện Gia Bình	50	Xã Gia Bình	Khoảng 10	Giữ theo hiện trạng không mở rộng
II	Các cụm công nghiệp thành lập mới					
	Giai đoạn 2031 - 2050					
1	Cụm công nghiệp Nghĩa Đạo	Xã Nghĩa Đạo, thị xã Thuận Thành	Khoảng 75	Phường Trạm Lộ	Khoảng 50	Điều chỉnh quy mô diện tích

TT	Tên cụm công nghiệp	Theo Quyết định phê duyệt số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023		Điều chỉnh quy hoạch		Ghi chú
		Địa điểm dự kiến	Diện tích phê duyệt (ha)	Địa điểm	Diện tích (ha)	
2	Cụm công nghiệp Mỹ Hương (Điều chỉnh thành cụm công nghiệp Trung Chính)	Xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài	Khoảng 60	Xã Trung Chính	Khoảng 40	Điều chỉnh vị trí, quy mô và đổi tên
II Các cụm công nghiệp đưa ra khỏi quy hoạch						
1	Cụm công nghiệp Xuân Lai - Đông Cứu	Xã Xuân Lai, Đông Cứu	45			
2	Cụm công nghiệp Song Giang - Giang Sơn	Xã Song Giang, Giang Sơn	75			

Ghi chú:

- Việc đầu tư các dự án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn phải phù hợp với nhu cầu thực tế và văn cứ theo chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030 và sau năm 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn và triển khai dự án đầu tư.

- Các nội dung khác giữ nguyên theo Phụ lục số III kèm theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

PHỤ LỤC IVa

ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU TỔ HỢP SINH THÁI, DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG, VĂN HÓA THỂ THAO VÀ SÂN GOLF TỈNH BẮC NINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 19/8/2025
của UBND tỉnh Bắc Ninh)*

TT	Các dự án	Theo Quyết định phê duyệt số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023		Điều chỉnh quy hoạch		Ghi chú
		Địa điểm dự kiến	Diện tích phê duyệt (ha)	Địa điểm	Diện tích điều chỉnh (ha)	
1	Khu dịch vụ tổ hợp sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa thể thao và sân golf gần với sông Ngụ.			Xã Nhân Thắng và Xã Lương Tài	Khoảng 170	Bổ sung mới

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ, đồng thời không vượt chỉ tiêu phân bổ đất đai đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm yếu tố quốc phòng, an ninh. Ngoài dự kiến nêu trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

- Các nội dung khác giữ nguyên theo Phụ lục số IV kèm theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

PHỤ LỤC Va
ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG
ĐƯỜNG BỘ TỈNH BẮC NINH (TRƯỚC SÁP NHẬP) THỜI KỲ 2021-2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 19/8/2025
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Tên tuyến (điều chỉnh, bổ sung)	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô tối thiểu dự kiến (cấp đường/số làn xe)
A	QUỐC LỘ			
1	QL.17 (Điều chỉnh lộ giới đoạn từ cầu Bình Than đi cầu Kênh Vàng	Cầu Bình Than	Cầu Kênh Vàng	8-10 làn xe
B	ĐƯỜNG TỈNH			
I	Đường tỉnh hiện có cải tạo, nâng cấp			
1	ĐT.279 (Điều chỉnh mặt cắt đoạn từ cầu Chì đến QL.17 thành đường đô thị)	Cầu Chì	Giao QL 17	Mặt cắt ngang 35-40m
2	ĐT.280 (Đoạn từ Thuận Thành cũ đi huyện Gia Bình cũ theo QĐ 1589, đoạn phía Nam Cảng hàng không quốc tế Gia Bình thành đường đô thị)	Thị xã Thuận Thành (trước sáp nhập)	Huyện Lương Tài (trước sáp nhập)	6 làn xe
3	Đường tỉnh 281 (thành đường Đô thị)	Thị xã Thuận Thành (trước sáp nhập)	Huyện Lương Tài (trước sáp nhập)	6 làn xe
4	Đường tỉnh 283 (thành đường Đô thị)	Thị xã Thuận Thành (trước sáp nhập)	Thị xã Thuận Thành(trước sáp nhập)	4 làn xe
5	Đường tỉnh 284 (Đoạn qua Gia Bình cũ cơ bản theo QĐ 1589, đoạn Qua huyện Lương Tài cũ điều chỉnh thành đường đô thị)	Huyện Gia Bình (trước sáp nhập)	Huyện Lương Tài (trước sáp nhập)	4 làn xe
6	Đường tỉnh 285 Điều chỉnh do ranh giới Cảng hàng không quốc tế Gia Bình đi qua, đoạn	Huyện Gia Bình (trước sáp nhập)	Huyện Gia Bình (trước sáp nhập)	8-10 làn xe Mặt cắt ngang 60-80m

TT	Tên tuyến (điều chỉnh, bổ sung)	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô tối thiểu dự kiến (cấp đường/số làn xe)
	phía nam Cảng hàng không quốc tế Gia Bình đường 2 bên kênh thoát nước ở giữa, đoạn phía Bắc Cảng hàng không quốc tế Gia Bình điều chỉnh hướng tuyến và mở rộng đường bổ sung cầu kết nối phía bắc sông Đuống và tỉnh Bắc Giang trước sáp nhập			
II	Đường tỉnh quy hoạch mới			
1	Đường tỉnh 282B; Điều chỉnh mặt cắt 56,5m lên 80m	Thị xã Thuận Thành (trước sáp nhập)	Huyện Gia Bình (trước sáp nhập)	Mặt cắt ngang 80m
2	Đường tỉnh 285B; Điều chỉnh mặt cắt 56,5m lên 80m	Thị xã Thuận Thành (trước sáp nhập)	Huyện Yên Phong (trước sáp nhập)	Mặt cắt ngang 80m
3	ĐT.285C quy hoạch mới	ĐT.285B	Cảng hàng không quốc tế Gia Bình	Mặt cắt ngang 62m
D	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH			
1	Đường kết nối sân bay Gia Bình tỉnh Bắc Ninh với Thủ đô Hà Nội	Phường Trí Quả	Xã Trung Khê	Mặt cắt ngang 120m, trong đó có bố trí dải cây xanh và hệ thống đường sắt.
2	Tuyến đường kết nối Cảng hàng không quốc tế Gia Bình (tại nút giao ĐT.285B) về phía bắc sông Cầu (tỉnh Bắc Giang trước sáp nhập)	Nút giao ĐT.285B	Địa phận tỉnh Bắc Giang (trước sáp nhập)	Mặt cắt ngang 100-120m
3	Bổ sung, mở rộng tuyến đường ĐT.285 Cảng hàng không quốc tế Gia Bình phía bắc sông Cầu (tỉnh Bắc Giang trước sáp nhập)	Cảng hàng không quốc tế Gia Bình	Địa phận tỉnh Bắc Giang (trước sáp nhập)	Mặt cắt ngang 60-80m

TT	Tên tuyến (điều chỉnh, bổ sung)	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô tối thiểu dự kiến (cấp đường/số làn xe)
4	Điều chỉnh mở rộng các tuyến đường trục chính đô thị qua khu vực (Thuận Thành, Gia Bình, Lương Tài trước sáp nhập)			Quy mô mặt cắt ngang đường 30-80m

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Quy mô theo quy hoạch là quy mô được tính toán theo nhu cầu dự báo. Trong quá trình triển khai, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng nguồn lực đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc phân kỳ đầu tư bảo đảm hiệu quả dự án.

- Các đoạn đường qua đô thị quy mô thực hiện theo quy hoạch đô thị. Số làn xe đến năm 2030 có thể được mở rộng theo quy mô quy hoạch sau năm 2030 khi có nhu cầu thực tế.

- Các nội dung khác giữ nguyên theo Phụ lục số V kèm theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

PHỤ LỤC VIa

ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TỈNH BẮC NINH (TRƯỚC SÁP NHẬP) THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050)

*(Kèm theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 19/8/2025
của UBND tỉnh Bắc Ninh)*

TT	Tên công trình điều chỉnh	Địa điểm	Quy mô dự kiến (ha)	Ghi chú
I	Các cảng trên sông Đuống			
1	Cảng Đại Lai (hàng hóa)	Xã Đại Lai	Khoảng 70-80	Xây dựng mới

Ghi chú:

- Việc đầu tư các cảng thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh phải phù hợp với Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Ngoài dự kiến các cảng, bến xây dựng mới nêu trên, xem xét theo nhu cầu thực tế, điều chỉnh, phát triển thêm các cảng, bến hàng hóa, hành khách phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

- Các nội dung khác giữ nguyên theo Phụ lục số VI kèm theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

PHỤ LỤC VIIIa
ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ GIA BÌNH
TỈNH BẮC NINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 19/8/2025
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

T T	Tên công trình	Quy mô dự kiến (ha) Theo Quyết định 1589/QĐ- TTg ngày 08/12/2023			Điều chỉnh quy hoạch (theo Quyết định số 1204/QĐ-BXD ngày 01/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)	
		Địa điểm dự kiến	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Địa điểm	Quy mô diện tích thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
	Cảng hàng không quốc tế Gia Bình	Huyện Gia Bình (trước sáp nhập)	245 Sân bay trực thăng cấp 3; sân bay quân sự cấp 3	245 Sân bay đa năng lưỡng dụng (sử dụng cho chuyên cơ, máy bay chở hàng), dự phòng quốc gia (tương đương cấp 4E)	Các xã Gia Bình, Nhân Thắng, Lương Tài, Lâm Thao – tỉnh Bắc Ninh	1959,95 (ha) Là Cảng hàng không quốc tế, sân bay cấp 4E

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới Cảng hàng không sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư; phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

PHỤ LỤC Xa

ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN TỈNH BẮC NINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 637/QĐ-TTg ngày 19/8/2025
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Lĩnh vực điều chỉnh	Theo Quyết định phê duyệt số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023	Điều chỉnh quy hoạch	Ghi chú
1	Điện mặt trời			
	Mặt trời mái nhà tăng thêm	Công suất tiềm năng: 322 MW	Giai đoạn 2025-2030: 1528 MW Giai đoạn 2030-2035: 91MW	
	Điện mặt trời tập trung tăng thêm		50 MW	
2	Trạm biến áp 500kV			
	Trạm 500kV Bắc Ninh	1800 MVA	Giai đoạn 2031-2035: 2700 MVA	Nâng công suất
	Trạm 500kV Bắc Ninh 2		Giai đoạn 2025-2030: 1800 MVA Giai đoạn 2031-2035: 2700 MVA	Bổ sung
	Trạm 500kV Bắc Ninh 3		Giai đoạn 2031-2035: 1800 MVA	Bổ sung
3	Đường dây 500kV			
	Đường dây 500kV 2 mạch Bắc Ninh - rẽ Đông Anh - Phố Nối		Chiều dài dự kiến 1,0km	Điều chỉnh, đầu nối trạm Bắc Ninh
	Đường dây 500kV 4 mạch Bắc Ninh 2 – Rẽ Bắc Giang – Hiệp Hòa		Chiều dài dự kiến 10km	Xây mới, đầu nối trạm Bắc Ninh 2
	Đường dây 500kV 4 mạch Bắc Ninh 3 – Rẽ Hưng Yên 1 – Phố Nối		Chiều dài dự kiến 10km	Xây mới, đầu nối trạm Bắc Ninh 3
	Đường dây 500kV 2 mạch LNG Công Thanh – Bắc Ninh 3		Chiều dài dự kiến 220km, đoạn qua Bắc Ninh khoảng 5km	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
4	Trạm biến áp 220kV			

	Trạm biến áp Bắc Ninh 6	500 MVA	750 MVA	Nâng công suất
	Trạm biến áp Bắc Ninh 7	250 MVA	500 MVA	
	Trạm 220kV Bắc Ninh 2 500kV nối cấp		500 MVA	Xây mới
	Trạm 220kV Bắc Ninh 3 500kV nối cấp		500 MVA	Xây mới
	Trạm biến áp Bắc Ninh 9		750 MVA	Xây mới
	Trạm biến áp Bắc Ninh 10		750 MVA	Xây mới
	Trạm biến áp Bắc Ninh	500 MVA	750 MVA	Nâng công suất
	Trạm biến áp Bắc Ninh 2	500 MVA	750 MVA	Nâng công suất
	Trạm biến áp Bắc Ninh 3	500 MVA	750 MVA	Nâng công suất
5	Đường dây 220kV			
	Đường dây 220kV 2 mạch Bắc Ninh 4 - T500 Đông Anh	11 km	14 km	Điều chỉnh, Đầu nối TBA 220kV Bắc Ninh 4
	Đường dây 220kV 2 mạch Bắc Ninh 5 - rẽ Bắc Ninh 2 - Phố Nối	4 km	7 km	Điều chỉnh, Đầu nối TBA 220kV Bắc Ninh 4
	Đường dây 220kV 2 mạch Bắc Ninh 500kV - Bắc Ninh 4	13 km	14 km	Điều chỉnh
	Đường dây 220kV 4 mạch Bắc Ninh 2 500kV - rẽ Bắc Ninh 4- Bắc Ninh 7		5 km	Xây mới
	Đường dây 220kV 2 mạch Bắc Ninh 3 500kV -Bắc Ninh 10		12 km	Xây mới
	Đường dây 220kV 4 mạch Bắc Ninh 3 500kV -Bắc Ninh 9		2 km	Xây mới
	Đường dây 220kV 2 mạch Bắc Ninh 6 - rẽ Phả Lại- 500kV Phố Nối (mạch 2)		3 km	Xây mới
	Trạm biến áp 110kV			
	Trạm biến áp 110kV Gia Lương	Giai đoạn 2031-2050: nâng công suất	Giai đoạn đến năm 2030: nâng công	Điều chỉnh tiến độ thực

		2*63MVA	suất 2*63MVA	hiện
	Trạm biến áp 110kV Gia Bình	Giai đoạn 2031-2050: nâng công suất 2*63MVA	Giai đoạn 2025-2030: nâng công suất 2*63MVA	Điều chỉnh tiến độ thực hiện
	Trạm biến áp 110kV Thuận Thành 4	Giai đoạn 2031-2050: nâng công suất 2*63MVA	Giai đoạn 2025-2030: nâng công suất 2*63MVA	Điều chỉnh tiến độ thực hiện
	Trạm biến áp 110kV Thuận Thành 7		Giai đoạn 2031-2050: xây mới 2*63MVA	Xây mới
	Trạm biến áp 110kV Gia Bình 3		Giai đoạn đến năm 2030: Công suất 2*63MVA	Xây mới, phục vụ cảng hàng không Gia Bình
	Trạm biến áp 110kV Lương Tài 3		Giai đoạn đến năm 2050: Công suất 2*63MVA	Xây mới, phục vụ KCN Lương Tài 3
7	Điều chỉnh các tuyến 500/220/110 kV tránh vùng bảo vệ sân bay Gia bình		- Điều chỉnh hướng tuyến đường điện cao thế 500/220/110kV hiện trạng, quy hoạch đi qua ranh giới vùng bảo vệ sân bay Gia Bình	Điều chỉnh
8	Điều chỉnh các tuyến 110/220kV theo quy hoạch phân khu được duyệt		-Điều chỉnh hướng tuyến đường điện cao thế 220/110kV theo các đồ án QHPK được duyệt	Điều chỉnh

Ghi chú:

- Việc đầu tư xây dựng các tuyến đường dây, trạm biến áp phải căn cứ vào Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, các quy hoạch liên quan và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền. Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

- Các nội dung khác giữ nguyên theo Phụ lục số X kèm theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

PHỤ LỤC XIa

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THÔNG TIN
TRUYỀN THÔNG TỈNH BẮC NINH THỜI KỲ 2021-2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 637/QĐ-TTg ngày 19/8/2025
của UBND tỉnh Bắc Ninh)*

STT	Lĩnh vực điều chỉnh	Diện tích (theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023)	Diện tích điều chỉnh (ha)	Ghi chú
1	Khu công nghệ thông tin tập trung (Khu công nghiệp công nghệ số)	Khoảng 262 ha	Khoảng 213,25 ha	Điều chỉnh giảm diện tích

PHỤ LỤC XIIa

ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC TỈNH BẮC NINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 19/8/2025
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

S T T	Tên nhà máy nước	Công suất theo Quyết định phê duyet số 1589/QĐ- TTg ngày 08/12/2023 (m ³ /ng.đ)	Công suất sau điều chỉnh quy hoạch (m ³ /ng.đ)	Ghi chú
A. Khu vực Bắc Đuống				
I. Nhà máy nước sinh hoạt				
1	Nhà máy nước mặt Bắc Ninh	160.000	200.000	Cập nhật công suất theo Văn bản số 596/NSBN-KHKT ngày 22/7/2025 của Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh
2	Nhà máy nước Tri Phương	50.000	120.000 (Giai đoạn 2021-2030: 60.000m ³ /ng đ)	Cập nhật công suất theo Quyết định số 728/QĐ-TTg ngày 20/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ
3	Nhà máy nước Chờ 2	20.000	20.000	Cập nhật lại tên nhà máy nước; Tên nhà máy theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg là "Nhà máy nước Yên Phong 2"
4	Nhà máy nước thị trấn Chờ	6.000	10.000	Cập nhật công suất theo Văn bản số 596/NSBN-KHKT ngày 22/7/2025 của Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh; Hiện trạng 6.000m ³ nước mặt; Quy hoạch 10.000m ³ nước mặt
5	Nhà máy nước ngầm Bắc Ninh	9.000	20.000	Cập nhật công suất theo Văn bản số 596/NSBN-KHKT ngày 22/7/2025 của Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh; Hiện trạng 9.000m ³ nước ngầm; Quy hoạch 9.000m ³ nước ngầm hoặc 20.000m ³ nước mặt

S T T	Tên nhà máy nước	Công suất theo Quyết định phê duyet số 1589/QĐ- TTg ngày 08/12/2023 (m ³ /ng.đ)	Công suất sau điều chỉnh quy hoạch (m ³ /ng.đ)	Ghi chú
6	Nhà máy nước thị trấn Lim	3.000	3.000	Cập nhật công suất theo Văn bản số 596/NSBN-KHKT ngày 22/7/2025 của Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh; (Đến năm 2030 sử dụng nguồn nước ngầm; Sau năm 2030 cải tạo thành trạm bơm tăng áp)
7	Nhà máy nước Thịnh Lang	3.000	3.000	Cập nhật công suất và tên nhà máy nước theo Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh; (Đến năm 2030 sử dụng nguồn nước ngầm; Sau năm 2030 cải tạo thành trạm bơm tăng áp)
II. Nhà máy nước khu công nghiệp				
1	Nhà máy nước KCN Yên Phong II-A	5.000	14.500	Cập nhật công suất theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh
2	Nhà máy nước KCN Yên Phong II-C	10.000	20.000	Cập nhật công suất theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh
B. Khu vực Nam Đuống				
I. Nhà máy nước sinh hoạt				
1	Nhà máy nước Thuận Thành	10.000	12.000	Cập nhật công suất theo Văn bản số 981/UBND-XDCB ngày 08/4/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh

S T T	Tên nhà máy nước	Công suất theo Quyết định phê duyet số 1589/QĐ- TTg ngày 08/12/2023 (m ³ /ng.đ)	Công suất sau điều chỉnh quy hoạch (m ³ /ng.đ)	Ghi chú
2	Nhà máy nước thị trấn Gia Bình	10.000	10.000	- Cập nhật công suất và tên nhà máy theo Văn bản số 596/NSBN-KHKT ngày 22/7/2025 của Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh; - Công suất hiện trạng theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg là 2.400m³/ngđ; Tên nhà máy theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg là "Công trình cấp nước sạch tập trung Gia Bình"
3	Nhà máy nước thị trấn Thừa	3.000	10.000	Cập nhật công suất hiện trạng và quy hoạch theo Văn bản số 596/NSBN-KHKT ngày 22/7/2025 của Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh
4	Nguồn nước sạch từ Nhà máy nước mặt Sông Đuống, thành phố Hà Nội		140.000	- Bổ sung nguồn cấp nước sạch cho khu vực Nam Đuống do việc hình thành sân bay Gia Bình và các khu vực phát triển đô thị dọc hành lang tuyến đường kết nối Sân bay Gia Bình với thủ đô Hà Nội - Bổ sung hướng tuyến đầu nối dự kiến của nguồn nước sạch từ nhà máy nước mặt Sông Đuống - thành phố Hà Nội để cấp đầu nối và hoà mạng với mạng lưới cấp nước của tỉnh Bắc Ninh để cấp nước cho thành phố Từ Sơn, huyện Tiên Du (trước khi sáp nhập) và các Khu công nghiệp trên địa bàn huyện Yên Phong (trước khi sáp nhập); Công suất dự kiến

S T T	Tên nhà máy nước	Công suất theo Quyết định phê duyet số 1589/QĐ- TTg ngày 08/12/2023 (m ³ /ng.đ)	Công suất sau điều chỉnh quy hoạch (m ³ /ng.đ)	Ghi chú
				đầu nối đến năm 2030 khoảng 60.000m ³ /ngày đêm. Mạng đường ống sử dụng ống cấp nước đường kính DN600mm đi theo tuyến đường tỉnh ĐT.295B gồm 2 tuyến ống DN600 song song dài khoảng 8km; Tuyến ĐT.295, ĐT.286 và ĐT.277 gồm 1 tuyến ống DN600 dài khoảng 12km; Tuyến ĐT.285B gồm 1 tuyến ống DN300 dài khoảng 2km.
II. Nhà máy nước khu công nghiệp				
1	Nhà máy nước KCN Khai Sơn	5.000	6.500	Cập nhật công suất theo Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư.
- Quy mô, công suất các nhà máy nước có thể điều chỉnh để bảo đảm nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
- Các nội dung khác giữ nguyên theo phục lục XII kèm theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

PHỤ LỤC XIIIa

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI
TỈNH BẮC NINH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**
*(Kèm theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 19/8/2025
của UBND tỉnh Bắc Ninh)*

TT	Theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ			Điều chỉnh Quy hoạch
	Khu xử lý	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)	
1	Cơ sở xử lý chất thải rắn phía Bắc (Phù Lãng - Quế Võ) phục vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị trung tâm	Xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ	90	Cơ sở xử lý chất thải rắn phía Bắc (xã Phù Lãng, tỉnh Bắc Ninh) phục vụ xử lý, tái chế chất thải công nghiệp, y tế, sinh hoạt

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.
- Các nội dung khác giữ nguyên theo phụ lục XIII kèm theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

PHỤ LỤC XIVa

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC NGHĨA TRANG
TỈNH BẮC NINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 19/8/2025
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023		Điều chỉnh Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
	Nghĩa trang	Địa điểm		
1	Nghĩa trang Thuận Thành	Xã Nguyệt Đức, thị xã Thuận Thành		Điều chỉnh đưa ra khỏi quy hoạch
2	Nghĩa trang Gia Bình	Xã Đại Bái, huyện Gia Bình		Điều chỉnh đưa ra khỏi quy hoạch
3	Nghĩa trang Lương Tài	Xã Quảng Phú, huyện Lương Tài		Điều chỉnh đưa ra khỏi quy hoạch
4	Đài hỏa táng Thuận Thành	Phường Trạm Lộ, thị xã Thuận Thành		Điều chỉnh đưa ra khỏi quy hoạch
5	Mở rộng nghĩa trang hiện trạng theo mô hình công viên nghĩa trang tại xã Đại Lai	Xã Đại Lai, tỉnh Bắc Ninh	Khoảng 20	Quy hoạch mới
6	Mở rộng nghĩa trang hiện trạng theo mô hình công viên nghĩa trang tại xã Lương Tài, Trung Chính.	Xã Lương Tài, Trung Chính	Khoảng 20	Quy hoạch mới

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư.

- Các nội dung khác giữ nguyên theo phụ lục XIII kèm theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

PHỤ LỤC XVIIa

ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TỈNH BẮC NINH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Tên cơ sở giáo dục xây dựng mới	Địa điểm	Quy mô dự kiến (ha)
1	Khu giáo dục - đào tạo kết hợp đô thị, dịch vụ	Xã Đại Lai, Đông Cứu	Khoảng 100
2	Bổ sung, điều chỉnh vị trí, xây dựng mới các cơ sở giáo dục - đào tạo do ảnh hưởng của việc thu hồi đất để triển khai các dự án Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, Tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình đi Thủ đô Hà Nội và các chức năng đô thị, dịch vụ, công nghiệp,... phục vụ sân bay.	Khu vực phía Nam sông Đuống	

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

- Khuyến khích quy hoạch các cơ sở giáo dục đào tạo với quy mô diện tích đảm bảo bằng 1,5 đến 2,0 lần mức tối thiểu theo quy chuẩn, tiêu chuẩn.

- Các nội dung khác giữ nguyên theo phụ lục XVII kèm theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.